



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐO**



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 64 /QĐ-ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

Tên chương trình : Kỹ thuật xét nghiệm y học
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Kỹ thuật xét nghiệm y học
Mã ngành : 7720601
Loại hình đào tạo : Chính quy

Hà Nội, 2025

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số 64/QĐ - ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học được điều chỉnh nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học kế thừa từ chương trình đào tạo ban hành 2023 và được điều chỉnh bổ sung, phát triển nhiều nội dung mới như: Sửa mục tiêu, chuẩn đầu ra, tăng thời lượng cho khối kiến thức chuyên ngành... để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học và chuẩn đầu ra theo yêu cầu thị trường lao động có liên quan đến ngành được trong nước và hội nhập quốc tế trong điều kiện mới.

1.2. Thông tin chung

- + Tên tiếng Việt: Kỹ thuật xét nghiệm y học
- + Tên tiếng Anh: Laboratory Medicine Technique
- Mã ngành: 7720601
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian: 4 năm
- Tên bằng tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học
- + Tiếng Anh: Bachelor of Laboratory Medicine Technique
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Dược – Xét nghiệm
- Đơn vị cấp bằng: Trường đại học Đông Đô
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
- Thông tin tuyển sinh:
- + Đối tượng tuyển sinh (chuẩn đầu vào):

Phương thức 100, 200, 500

Các tổ hợp xét tuyển:

- A00: Toán học, Vật lý, Hóa học
- A01: Toán, Vật Lý, Tiếng Anh
- B00: Toán, Hóa Học, Sinh Học
- B04: Toán, Sinh Học, GDKTPH
- B08: Toán, Sinh Học, Tiếng Anh
- D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh

Các phương án tuyển sinh mới sẽ được Trường Đại học Đông Đô cập nhật theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- + Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển
- Điều kiện tốt nghiệp: Kết thúc khoá học, sinh viên có đủ các tiêu chí sau sẽ được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:
- + Tích lũy đủ 130 tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo;
- + Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- + Có tiếng Anh đạt trình độ theo quy định khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ chung châu Âu, trình độ tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Đông Đô;
- + Có chứng chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh
- + Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- + Đã hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Nhà trường.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung (*Programme General Objectives - PGO*)

- Đào tạo Cử nhân KTXN y học trình độ đại học, có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn được đào tạo, đáp ứng được nhu cầu xã hội;
- Đào tạo những nhà chuyên môn có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về KTXN y học, có thể sử dụng chuyên môn thành thạo, linh hoạt và có năng lực cơ bản, kỹ năng cần thiết để làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế, có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể : (*Programme Objectives – Gọi tắt là POs*)

PO1: (K) Có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành xét nghiệm y học và kỹ năng thực hành theo tiêu chuẩn năng lực ngành KTXNYH bậc trình độ đại học tại Việt Nam;

PO2: (K) Có lý luận vững vàng và khả năng làm việc độc lập với tư cách là một chuyên gia KTXNYH tại các cơ sở y tế hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân;

PO3: (S) Sử dụng thành thạo các phương pháp, các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản và chuyên sâu đã được học vào lĩnh vực xét nghiệm y học, có khả năng phân tích các kết quả xét nghiệm;

PO4 (S) Áp dụng thành thạo có hiệu quả các kiến thức KTXNYH đã được học vào lĩnh vực xét nghiệm; luôn thích ứng với môi trường lao động tại Việt Nam và sẵn sàng tham gia vào nguồn nhân lực hội nhập quốc tế.

PO5: (A) Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, chủ động, sáng tạo trong hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực kỹ thuật xét nghiệm y học.

PLO6. (A) Tự chủ và tự chịu trách nhiệm; triển khai làm việc độc lập, làm việc nhóm; phương pháp khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống, phản biện và tư duy phân tích, có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, dẫn dắt, khởi nghiệp và chủ động hội nhập.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức năng lực
1. Kiến thức		
1.1.	Kiến thức giáo dục đại cương	

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức năng lực
PLO1 (K)	Hiểu được thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, vận dụng đánh giá các hiện tượng, sự vật đúng, khách quan, khoa học, hiểu được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính sách pháp luật, an ninh quốc phòng, vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn. Sử dụng tối thiểu được một loại ngoại ngữ (tiếng Anh) để đọc tài liệu và công nghệ thông tin để phục vụ nhiệm vụ chuyên môn.	K3/5
PLO2 (K)	Tin học ứng dụng và đạt chuẩn ứng dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT. Vận dụng kiến thức của công nghệ thông tin vào quản lý, tác nghiệp, ngoại ngữ đạt (3/6). Hiểu các kiến thức toán, vật lý đại cương, đạo đức người cán bộ xét nghiệm làm nền tảng cho các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu làm chủ kỹ thuật xét nghiệm y học và hội nhập quốc tế	K3/5
1.2.	Kiến thức cơ sở ngành	
PLO3 (K)	Cấu tạo, hoạt động và chức năng sống của cơ thể con người ở trạng thái bình thường và trạng thái bệnh lý.	K4 /5
PLO4 (K)	Có những kiến thức cơ bản về thuốc và y sinh học phân tử để áp dụng vào hoạt động xét nghiệm y học.	K4/5
1.3.	Kiến thức chuyên ngành	
PLO5 (K)	Sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp đảm bảo và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	K4/5
PLO6 (K)	Vận dụng các nguyên tắc, các KTXNYH để chẩn đoán bệnh, chữa bệnh và phòng bệnh.	K3/5
2.Kỹ năng		
2.1.Kỹ năng nghề nghiệp		
PLO7 (S)	Làm thành thạo các KTXNYH cơ bản và chuyên ngành theo y lệnh của bác sĩ. Thực hiện được các xét nghiệm để phục vụ chẩn đoán, phòng bệnh và chữa bệnh theo quy trình thao tác chuẩn do Bộ Y tế ban hành. Quản lý các cơ sở xét nghiệm, tham gia tổ chức và đào tạo cán bộ KTXNYH và các nhân viên y tế.	S4/5
PLO8 (S)	Tham gia có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia nhằm bảo vệ và nâng cao sức khỏe người dân trong cộng đồng.	S4/5

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức năng lực
PLO9 (S)	Lập và thực hiện được kế hoạch công tác cá nhân khoa học, chủ động; vận dụng hợp lý các kiến thức chuyên môn theo yêu cầu phát triển y học trong nước và hội nhập quốc tế.	S3/5
2.2. Kỹ năng giao tiếp ứng xử		
PLO10 (S)	Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; phương pháp khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống, phản biện và tư duy phân tích, có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, dẫn dắt, khởi nghiệp và chủ động hội nhập.	S4/5
2.3. Thái độ/ mức tự chủ và chịu trách nhiệm		
PLO11 (A)	Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh và khách hàng. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành y tế. Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp. Tôn trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền	A3/4
PLO12 (A)	Có năng lực chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác. Có năng lực tự học, tự tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ cơ bản và chuyên khoa. Có năng lực lập kế hoạch, khả năng làm việc nhóm trong lĩnh vực chuyên môn. Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động nghề nghiệp.	A3/4

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học, sinh viên sẽ có cơ hội việc làm tại các vị trí sau:

- Cử nhân xét nghiệm tại các bệnh viện, trung tâm y tế, trung tâm y tế dự phòng từ Trung ương đến địa phương, của nhà nước và tư nhân có đủ điều kiện cơ sở vật chất và có chức năng thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm y học cho con người;
- Cử nhân xét nghiệm tại các cơ sở kiểm nghiệm thuốc thuộc doanh nghiệp dược phẩm và trung tâm kiểm nghiệm thuốc, vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Chuyên viên tư vấn, phân tích, đánh giá chất lượng các kết quả xét nghiệm;
- Cung ứng trang thiết bị, vật tư y tế thuộc chuyên ngành xét nghiệm;
- Giảng viên giảng dạy tại các cơ sở đào tạo nhân lực thuộc khối Khoa học sức khỏe.
- Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Khoa học sức khỏe.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Các khối kiến thức	Số TC
Kiến thức giáo dục đại cương	36
Kiến thức cơ sở ngành	23
Kiến thức chuyên ngành	58
Thực tập, khóa luận tốt nghiệp	12
Tổng	129

6. DANH SÁCH HỌC PHẦN

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
6.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương			36	38	1
1	7GDC001	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
2	7GDC002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	7GDC003	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	2	0
4	7GDC004	Tư tưởng HCM	2	2	0
5	7GDC005	Lịch sử Đảng CSVN	2	2	0
6	7GDC007	Ngôn ngữ Anh 1	3	3	0
7	7GDC008	Ngôn ngữ Anh 2	3	3	0
8	7XNY043	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	3	3	0
9	7GDC019	Tin học đại cương	2	1	1
10	7GDC029	Xác suất - thống kê y học	2	2	0
11	7XNY001	Sinh học và di truyền	2	2	0
12	7GDC035	Hóa đại cương	2	2	0
13	7XNY002	Vật lý và lý sinh	2	2	0
14	7XNY003	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	2	0
15	7GDC006	Pháp luật đại cương	2	2	0
16	7GDC021	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
Giáo dục Thể chất, Giáo dục QPAN					
	7GAQ001	Giáo dục QPAN			
	7GTC002	Giáo dục thể chất			
6.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			81		
6.2.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			23		
17	7XNY004	Giải phẫu	3	2	1
18	7XNY005	Sinh lý - Mô	2	2	0
19	7XNY006	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	2	0
20	7XNY007	Dược lý học	2	2	0

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
21	7XNY008	Điều dưỡng cấp cứu ban đầu	2	1	1
22	7XNY009	Bệnh học nội khoa	2	2	0
23	7XNY010	Bệnh học ngoại khoa	2	2	0
24	7XNY011	Dịch tễ học - Bệnh truyền nhiễm	2	2	0
25	7XNY012	Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	2	0
26	7XNY013	Sức khỏe môi trường	2	2	0
27	7XNY014	Tổ chức y tế	2	2	0
6.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành			58		
Kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)			52		
28	7XNY015	KTXN cơ bản	3	2	1
29	7XNY016	Hóa sinh 1	3	2	1
30	7XNY017	Hóa sinh 2	3	2	1
31	7XNY018	Thực hành KTXN 1: Hóa sinh	3	0	3
32	7XNY019	Vi sinh 1	3	2	1
33	7XNY020	Vi sinh 2	3	2	1
34	7XNY021	Ký sinh trùng 1	3	2	1
35	7XNY022	Ký sinh trùng 2	2	1	1
36	7XNY023	Thực hành KTXN 2: Vi sinh - ký sinh trùng	3	0	3
37	7XNY024	Huyết học tế bào 1	3	2	1
38	7XNY025	Huyết học tế bào 2	2	1	1
39	7XNY026	Huyết học đông máu	2	1	1
40	7XNY027	Huyết học truyền máu	2	2	0
41	7XNY028	Thực hành KTXN3: Huyết học	3	0	3
42	7XNY029	Xét nghiệm tế bào 1	3	2	1
43	7XNY030	Xét nghiệm tế bào 2	3	2	1
44	7XNY031	Thực hành KTXN 4: Giải phẫu bệnh	3	0	3
45	7XNY032	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2	2	0
46	7XNY033	Thực hành về phương thức tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm tại bệnh viện	3	0	3
Kiến thức bổ trợ ngành			6		
47	7XNY034	Xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong VSATTP	2	2	0
48	7XNY035	Y sinh học phân tử	2	2	0

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
49	7XNY036	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm	2	1	1
6.2.3. Thực tập, khóa luận/đồ án tốt nghiệp			12		
6.2.3.1. Thực tập tốt nghiệp, Khóa luận TN			6		
50	7XNY038	Thực tập tại bệnh viện	3	0	3
51	7XNY039	Thực tập tại cộng đồng	3	0	3
52	7XNY040	Khoá luận tốt nghiệp	6		
6.2.3.2. Học thay thế khóa luận			6		
53	7XNY041	Xét nghiệm tế bào 3	3	3	0
54	7XNY042	Xét nghiệm huyết học chuyên ngành	3	3	0
		Tổng	129		